

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 08 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Ông Lưu Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Mãi, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 08 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị P**, sinh năm 1962 (có đơn xin vắng mặt).

* Bị đơn: Anh **Châu Thanh H**, sinh năm 1965 (có mặt).

Cùng địa chỉ: **ấp C, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị **Phạm Thị P** trình bày và yêu cầu như sau:

Chị **P** và anh **Châu Thanh H** chung sống với nhau vào năm 1983, đến nay chưa đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **H** chung sống với người phụ nữ khác. Chị **P** và anh **H** ly thân nhau từ tháng 10 năm 2019 đến nay.

Về con chung: Có 04 người con chung tên **Châu Thị C**, sinh ngày 05/05/1984, **Châu Thị N**, sinh ngày 02/08/1987, **Châu Mỹ N1**, sinh ngày 03/02/1989, **Châu**

Thanh P1, sinh ngày 02/01/1991. Các con chung đều đã thành niên tự lao động sinh sống được nên chị **P** không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, nên không yêu cầu giải quyết.

Chị **P** yêu cầu được ly hôn với anh **H**, các mối quan hệ khác không tranh chấp và, không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị **P** xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/06/2023 bị đơn anh **Châu Thanh H** trình bày:* Anh **H** và chị **P** chung sống với nhau vào năm 1983, đến nay chưa đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác, khi chị **P** biết được thì vợ chồng không thông cảm với nhau, từ đó vợ chồng ly thân nhau từ năm 2019 đến nay.

Vợ chồng có 04 người con chung tên **Châu Thị C**, sinh ngày 05/05/1984, **Châu Thị N**, sinh ngày 02/08/1987, **Châu Mỹ N1**, sinh ngày 03/02/1989, **Châu Thanh P1**, sinh ngày 02/01/1991. Các con chung đều đã thành niên tự lao động sinh sống được nên anh **H** không yêu cầu giải quyết.

Vợ chồng không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Theo yêu cầu của chị **P**, anh **H** có ý kiến như sau:

Về tình cảm vợ chồng: Anh **H** đồng ý ly hôn với chị **P**.

Về con chung: Các con chung đều đã thành niên, có gia đình riêng và tự sinh sống được nên không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai nên không yêu cầu.

Tại phiên tòa, anh **H** đồng ý ly hôn với chị **P**; các con chung đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu; vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu; vợ chồng có tài sản chung nhưng anh **H** khởi kiện thành vụ kiện khác nếu không tự thỏa thuận được.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về tình cảm vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị **P** được ly hôn với anh **H**; về

con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh **H** vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên Tòa án hoãn phiên họp hòa giải, sau khi hoãn phiên họp hòa giải thì chị **P** nộp đơn xin giải quyết vắng mặt nên được xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ngày 13/07/2023 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phiên tòa được mở ngày hôm nay. Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt chị **P** theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị P** và anh **Châu Thanh H** chung sống với nhau vào năm 1983, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Tuy chị **P** và anh **H** chưa đăng ký kết hôn nhưng chị **P** và anh **H** chung sống với nhau trước ngày luật hôn nhân gia đình năm 1987 có hiệu lực nên hôn nhân là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh **H** chung sống với người phụ nữ khác, chị **P** không chấp nhận được nên chị **P** và anh **H** ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/06/2023 anh **H** thừa nhận việc này và đồng ý ly hôn với chị **P**. Tại phiên tòa, anh **H** đồng ý ly hôn với chị **P**, nhưng chị **P** xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **P** và anh **H** mà phải tuyên bằng một bản án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **P** theo đề nghị của kiểm sát viên. Cho chị **P** được ly hôn với anh **H**.

[3] Về quan hệ con chung: Các con chung của chị **P** và anh **H** đều đã thành niên tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị **Phạm Thị P** và anh **Châu Thanh H** xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Phạm Thị P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị **Phạm Thị P**.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị **Phạm Thị P** được ly hôn với anh **Châu Thanh H**.

- *Về quan hệ con chung*: Các con chung của chị **P** và anh **H** đều đã thành niên tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị **Phạm Thị P** và anh **Châu Thanh H** xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét

- *Về án phí*: Buộc chị **Phạm Thị P** chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số: 0001208 ngày 07/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị **P** đã nộp xong tiền án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm công khai, anh **Châu Thanh H** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị **Phạm Thị P** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Vân Khánh Tây;
- Lưu HS, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

